

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRUNG TRỰC
ĐỀ ÔN THI TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 1
VÒNG 18 – ĐỀ 1

Bài 1: Mèo con nhanh nhẹn

quả măng cụt	rét	lược	đẹp	trái
mẹ	từ có vần “oa”	ngoằn ngoèo	mùa hạ	từ có vần oeo
mùa hè	quả			
xinh	con công	toa tàu	lạnh	má

Bài 2: Hổ con thiên tài

Câu 1: trời/mưa/thì/phải/Ôn/nắng _____

Câu 2: sư./Nhật/tự/vi/sư./vi/bán /tự _____

Câu 3: tổ./Kiến/lâu/tha/đầy _____

Câu 4: văn/học/lễ./Tiên/học/hậu _____

Câu 5: dài/Đi/mới/xa/biết/đường _____

Câu 6: sâu/Trên/cạn/đồng/dưới/đồng _____

Câu 7: chân/Trông/mềm/cứng/đá/cho _____

Câu 8: nguồn/nhớ/Uống/ nước _____

Câu 9: đinh/ cột/Chắc/ đóng/ như _____

Câu 10: ọc/tr/h/ường _____

Bài 3: Điền từ

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống trong câu:

“Tre bản thân nhớó. Chợt về đây tiếng chim.”

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống trong câu: “Uống nước nhớuôn.”

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 3: Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

khổng ...ò, ...ong lanh, ...ấp ló.

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống trong câu: “Chậm nhưùa”

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 5: Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ : ...ong chóng,

...ân thành, ...ĩnh gạo.

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống trong câu: “Mỗi sớm mai thứcây. Lũy tre xanh rì rào”

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 7: Điền chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau:.....a đình, ngọn ...ó.

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống trong câu: “Ăn quả nhớ kẻồng cây.”

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 9: Điền vào chỗ trống trong câu: “Đôi bàn t..... mẹ”

Đáp án của bạn.....

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống trong câu:” Non nước biếc như tranh họa đồ.”

Đáp án của bạn.....

Bài 4: Trắc nghiệm 1

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để đứng trước cụm từ “treo áo lên móc”?

A – bé

B – ngôi trường

C – con sói

D – quả na

Câu hỏi 2: Trong các từ ngữ sau, từ ngữ nào sai chính tả?

A – đen thui

B – xuy nghĩ

C – rục rĩ

D – sung sướng

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào không cùng chủ điểm với các từ còn lại?

A – yêu thương

B – nuôi nấng

C – chăm sóc

D – gieo hạt

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào phù hợp với chỗ trống của câu thơ?

*“Có ngàn tia nắng nhỏ
Đi học sáng hôm nay
Có trăm trang sách mở
Xòe nhưbay.”*

A – cánh bướm

B – cánh chim

C – cánh cò

D – cánh diều

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào không cùng chủ điểm với các từ còn lại?

- A – dòng sông
- B – nhà trường
- C – cây cau
- D – rặng dừa

Câu hỏi 6: Nhà thơ nào đã viết những câu thơ sau:

*“Tiếng gà
Giục quả na
Mở mắt
Tròn xoe?”*

- A – Trần Đăng Khoa
- B – Phạm Hổ
- C – Phan Thị Thanh Nhàn
- D – Minh Chính

Câu hỏi 7: Nhà thơ nào đã viết những câu thơ sau:

*“Chị Mái chăm một đàn con
Chân bới, miệng gọi mắt tròn ngó trông
Cô Mơ để một trứng hồng
Cục ta cục tác sân trong ngõ ngoài”*

- A – Trần Đăng Khoa
- B – Phạm Hổ
- C – Phan Thị Thanh Nhàn
- D – Phạm Công Trứ

Câu hỏi 8: Ngày mới đi học, chữ viết của Cao Bá Quát được so sánh với gì?

- A – mèo cào
- B – cò lội
- C – giun bò
- D – gà bới

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào phù hợp với chỗ trống của câu sau?

*“Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió còn hơi đèn?”*

- A – chăng
- B – trắng
- C – sao
- D – mây

Câu hỏi 10: Trong các từ ngữ sau, từ ngữ nào sai chính tả?

- A – rộng rãi
- B – vại tương
- C – chượt băng
- D – trắng muốt

Bài 5: Trắc nghiệm 2

Câu 1: Từ nào dưới đây khác các từ còn lại?

- a. cây đào
- b. cây táo
- c. cây súng
- d. cây vải

Câu 2: vần nào dưới đây không xuất hiện trong câu thơ sau?

*“Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.”*

- a. ươi
- b. ược
- c. ông
- d. iết

Câu 3: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a. sương sườn
- b. sáng sớm
- c. giọt xương
- d. quả xung

Câu 4: Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

*“Chuồn chuồn bay thấp
Mưa ngập bờ ao
Chuồn chuồn bay cao
Mưa dào lại tạnh.”*

- a. dào
- b. lại
- c. chuồn
- d. bay

Câu 5: Giải câu đố sau:

*“Con gì đuôi ngắn tai dài
Mắt hồng lông mượt
Có tài chạy nhanh.”*

- a. con chó
- b. con thỏ
- c. con mèo
- d. con chuột

Câu 6: Điền tên con vật thích hợp vào chỗ trống sau:

*“Hay nói âm ã
Là con bầu
Hay con chó vện*

*Hay chăng dây điện
Là con nhện con.”
(Theo Trần Đăng Khoa)*

- a. muỗi
- b. nhện
- c. vịt
- d. gà

Câu 7: Điền từ có vần “ăng” thích hợp vào chỗ trống :

*Cây gì thân cao
Lá thưa lược
Ai đem nước ngọt
Đựng đầy quả xanh?*

- a. trắng
- b. răng
- c. măng
- d. cặng

Câu 8: Những loài hoa nào dưới đây thường nở vào mùa xuân?

- a. mùa phượng
- b. hoa đào
- c. hoa sen
- d. hoa bằng lăng

Câu 9: Vần nào không xuất hiện trong câu thơ sau?

*Mẹ cho quà bánh
Chia em phần hơn
Có đồ chơi đẹp
Cũng phần em hơn*

- a. ân
- b. ung
- c. anh
- d. ong

Câu 10: Tên con vật nào dưới đây có vần “rou”?



Bài 1: Phép thuật mèo con

Huýt sáo	Từ có vần “uông”	Từ có vần “oanh”	Cô giáo	Loanh quanh
Chuông gió	Thoang thoảng	Quây quần	Huých tay	Trượt tuyết
Từ có vần “uyt”	Từ có vần “ao”	Khuỷu tay	Từ có vần “uyu”	Từ có vần “uynh”
Mừng quýnh	Từ có vần “uot”	Từ có vần “uây”	Từ có vần “oang”	Từ có vần “uych”

Bài 2 – Hổ con thiên tài

Câu 1: b/ực/út/m _____

Câu 2: ường/s/tr/ân _____

Câu 3: nắng/Cọ/ô/xòe/che _____

Câu 4: em/Râm/đi/mát/đường _____

Câu 5: khó/Làm/anh/thật _____

Câu 6: hoang/Ai/bỏ/oi/đừng/ruộng _____

Câu 7: sĩ/Bố/em/bác/là _____

Câu 8: đi/Em/bước/theo/trắng _____

Câu 9: chơi/muốn/cùng/Như/đi _____

Câu 10: Hạnh/đẹp/vẽ/rất/tranh/. _____

Bài 3: Điền từ

Câu hỏi 1: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống: “Yêu bạnính thầy.”

Câu hỏi 2: Giải câu đố:

“Quả gì tên có vần “an”
Hình tròn, cùi trắng, hạt than đen sì.”

Trả lời: Quảăn.

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong khổ thơ:

Làm.....thật khó
Nhưng mà thật vui
Ai yêu em bé
Thì làm được thôi.”

(Làm anh – Phan Thị Thanh Nhân)

Câu hỏi 4: Điền n hay l vào chỗ trống trong câu: “Uốngước nhớ nguồn.”

Câu hỏi 5: Giải câu đố:

“Cây gì nhiều khúc
Mọc thành bụi to
Cây già làm thang
Măng lên nhọn hoắt ?

Trả lời: Câye

Câu hỏi 6: Giải câu đố:

“Ruột dài từ mũi đến chân
Mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo.”
Đó là cái gì?

Trả lời: Cái bút.....ì

Câu hỏi 7: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các từ sau:

“.....ao đầu,ã gạo,a đình.”?

Trả lời: Chữ phù hợp là chữ.....

Câu hỏi 8: Điền vần phù hợp vào chỗ trống: “Lời h.....ý đẹp”

Câu hỏi 9: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống: “Rừng vàng.....iền bạc.”

Câu hỏi 10: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống:

“Mỗi sớm mai thứcậy

Lũy tre xanh rì rào.”

Bài 4: Trắc nghiệm 1

Câu 1: Chọn vần phù hợp điền vào chỗ trống trong khổ thơ:

“Rùa con đi chợ mùa x.....

Mới đến cổng chợ bước chân sang hè.”

(Rùa con đi chợ - Mai Văn Hai)

A - ân

B - un

C - âm

D - uân

Câu 2: Từ nào khác các từ còn lại?

A - chị em

B - ông bà

C - bố mẹ

D - sách vở

Câu 3: Từ nào viết sai chính tả?

A - chân tay

B - chân thành

C - chân trọng

D - chân trời

Câu 4: Những tiếng nào có chứa bản “ăng” trong khổ thơ”

“Nắng Ba Đình mùa thu

Thắm vàng trên lãng Bác

Vẫn trong vắt bầu trời

Ngày Tuyên ngôn Độc lập.”

(Lãng Bác – Nguyễn Phan Hách.)

A - nắng, vàng

B - thắm, lãng

C - nắng, lãng

D - vàng, lãp

Câu 5: Ngược với “đục” là gì?

- A – trong
- B – sáng
- C – bản
- D – cũ

Câu 6: chọn từ phù hợp đứng trước cụm từ “treo áo lên móc” để hoàn thành câu có nghĩa?

- A – quả na
- B – bé
- C – ngôi nhà
- D – xe đạp

Câu 7: Chọn từ phù hợp điền vào chỗ trống: Trò chơi dân gian “bịt mắt bắt”

- A – gà
- B – cáo
- C – dê
- D – sói

Câu 8: Từ nào không chứa tiếng có vần “uôm”?

- A – cánh buồm
- B – chuồn chuồn
- C – ao chuôm
- D – luộm thuộm

Câu 9: Chọn vần phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Những trưa đồng đầy nắng
Trâu nằm nh..... bóng râm.”

(Lũy tre – Nguyễn Công Dương)

- A – ay
- B – ai
- C – ăn
- D – ia

Câu 10: Từ nào chứa tiếng có vần “ach”?

- A – mới toanh
- B – sạch sẽ
- C – màu xanh
- D – nhanh nhẹn

Bài 5 – Trắc nghiệm 2

Câu 1: Từ nào dưới đây có nghĩa khác biệt so với các từ còn lại?

- a/ quả táo
- b/ quả tạ
- c/ quả lê
- d/ quả nho

Câu 2: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a/ cái rừu
- b/ hoa lịu
- c/ mưu trí
- d/ cấp kứu

Câu 3: Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Quả gì có tóc
Không mọc trên cây
Bạn bè vui xay
Thi nhau cùng đá?

- a/ xay
- b/ gì
- c/ trên
- d/ nhau

Câu 4: Giải câu đố sau:

Không mắt, không tai, không mũi,...
Hễ đâu có mặt, ai ai cũng nhìn!
Chẳng nói mà ai cũng tin
Sáng, chiều, sớm, muộn cứ nhìn biết ngay
Là cái gì?

- a/ cái cửa
- b/ đèn pin
- c/ cái kính
- d/ đồng hồ

Câu 5: Giải câu đố sau:

Cây gì không quả không hoa
Không cành không lá xong pha chiến trường

- a/ cây vòi voi
- b/ cây súng
- c/ cây chuối
- d/ cây ôi

Câu 6: vần nào không xuất hiện trong câu ca dao sau?

Bà còng đi chợ trời mưa
Cái tôm cái tép đi đưa bà còng

- a/ oang
- b/ ong
- c/ ôm
- d/ ưa

Câu 7: Tên con vật nào dưới đây có vần “ưa”?



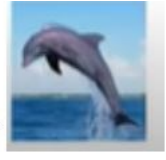
a/



b/



c/



d/

Câu 8: Đây là gì?



a/ tàu ngầm

b/ tàu hỏa

c/ thuyền buồm

d/ tàu thủy

Câu 9: Con vật nào dưới đây có vần “iên”?



a/



b/



c/



d/

Câu 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

“Nu na nu nóng
Đáng trống phát cò
Mở cuộc thi đua
Thiđẹp đẽ”

a/ tay

b/ người

c/ mặt

d/ chân

ĐỀ 3

Bài 1. Điền từ

Câu 1. Điền tên một mùa trong năm vào chỗ trống

Hè qua về

Chú ve đã ngủ

Chị gió la đà

Bờ tre, lá cọ

Câu 2. Giải câu đố

Hoa gì gọi mở tương lai

Nhìn hoa là thấy vui tươi rộn ràng

Thoắt trông như lũ bướm vàng

Đông qua háo hức xếp hàng đón xuân ?

Trả lời: hoa

Câu 3. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống

Bản em trênóp núi

Sớm bông bành trong mây

Sương rơi như mưa dội

Trưa mới thấy mặt trời

Câu 4. Điền r, d hay gi vào chỗ trống

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo.

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí.

Lá vàng trướcó khẽ đưa vèo.

Câu 5. Từ nào có vần “em” trong đoạn thơ sau

Góc sân nhỏ nhỏ mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em trông

Thấy trời xanh biếc mênh mông

Cánh cò chớp trắng trên sông Kinh Thầy

Câu 6. Tìm từ có vần “ao” trong đoạn thơ sau

Em yêu nhà em

Hàng xoan trước ngõ

Hoa xao xuyên nở

Như mây từng chùm.

Câu 7. Điền vần thích hợp vào chỗ trống

Con ong làm mật yêu h.....

Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu đời

Câu 8.

Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các từ sau

.....iên xù, áooàng,án nản

Câu 9. Tìm từ viết sai chính tả trong bài ca dao sau

Tháng chạp là tháng trồng khoai,

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.

Tháng ba cày vỡ ruộng ra,

Tháng tư làm mạ mưa xa đầy đồng.

Từ viết sai chính tả là

Câu 10. Các từ “thấp thoáng, hoang dã, khoang tàu” có chung vần gì

Trả lời: vần

Bài 2: Em hãy giúp Hồ Văn sắp xếp lại vị trí các ô trống để thành câu hoặc phép tính phù hợp.

1.



2.



3.



4.



5.



6.



7.



8.



9.



10.



Bài 3. Phép thuật Mèo con

Em hãy giúp bạn Mèo nối hai ô với nhau để tạo thành các từ đồng nghĩa hoặc phép toán giống nhau

biển	núi	thú rừng	hoa	sông
nương	muông thú	ruộng	hạt sương	vườn cây
vườn hoa	chim sẻ	giọt sương	bông	đôi
đại dương	cây bàng	chim sâu	suối	cây phượng